

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X235F0775

Mã KQ/ RP. No: 005008612.00

1. **Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
2. **Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/06/2023
4. **Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/06/2023 - 14/06/2023
5. **Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : NƯỚC MÀU BẾP XỬA
6. **Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong chai nhựa
7. **Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Trạng thái / Characteristic	Dạng lỏng, không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	LS Màu sắc / Colour	Màu nâu đen	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	LS Mùi, vị / Odor, Taste	Mùi vị đặc trưng, không có mùi vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	LS Hàm lượng chất khô hòa tan (độ Brix) (*) / Soluble solids content (Brix) (*)	79.5	%	-	TS-KT-HCB-106:2020 (Ref. TCVN 4414:1987)
5	LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.6x10 ²	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
7	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
8	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
9	LS Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017
10	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
11	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
12	LS Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
13	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.021	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X235F0775

Mã KQ/ RP. No: 005008612.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc Promoter CaMV 35S (*) / GMO qualitative by screening method Promoter CaMV 35S (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.04	TS-KT-PCR-141:2022
15	Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc Terminator NOS (*) / GMO qualitative by screening method Terminator NOS (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.04	TS-KT-PCR-142:2022
16	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g		TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
17	DNA thực vật gen trnL (**) / DNA thực vật gen trnL (**)	Không phát hiện/ Not Detected	-		ISO 21569:2005, Annex A.2 (TCVN 7605:2007, Mục A.2)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- 5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG

QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04